

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ tài chính 6 tháng
kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mã số doanh nghiệp: 3500100424



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-25

167-00

NHÁNH
TY TNHH
KIỂM TOÁN
ĐỘI
ĐỒ CHỈ MẪU

HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016 trước đó là Phó chủ tịch)
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2016)
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.



5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Số : TNRUB /021.HCM.16-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**NGUYỄN THỊ THANH****Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		194.198.471.955	187.893.203.501
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	168.329.332.852	154.470.970.498
Tiền	111		38.134.867.099	44.122.382.428
Các khoản tương đương tiền	112		130.194.465.753	110.348.588.070
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.745.684.702	6.446.727.639
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.834.342.721	9.204.761.576
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.700.544.000	1.387.533.200
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.424.510.716	2.157.357.638
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(6.213.712.735)	(6.302.924.775)
Hàng tồn kho	140	4.6	3.775.527.668	16.970.989.667
Hàng tồn kho	141		4.121.030.332	19.461.216.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(345.502.664)	(2.490.226.530)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.347.926.733	4.515.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	5.416.997.042	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	27.145.876	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.903.783.815	4.515.697
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.343.787.475	133.186.178.569
Tài sản cố định	220		42.712.810.410	43.646.273.930
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	42.457.810.411	43.362.940.597
Nguyên giá	222		99.282.346.861	97.766.785.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.824.536.450)	(54.403.844.739)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	254.999.999	283.333.333
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.000.001)	(56.666.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		64.752.229.859	61.557.809.669
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.6	144.253.178	144.253.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	64.607.976.681	61.413.556.491
Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.11	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		1.067.571.502	1.170.919.266
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	402.785.058	490.143.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	664.786.444	680.775.558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		329.542.259.430	321.079.382.070

3337
CHI N
ING V
KIỂM
BI
TP. HỒ
- TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		25.244.704.013	18.640.367.961
Nợ ngắn hạn	310		25.244.704.013	18.640.367.961
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	1.224.312.819	1.320.230.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632.600.000	1.670.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	263.400	1.620.300.359
Phải trả người lao động	314		-	5.755.085.123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.765.032.022	3.454.281.563
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	11.832.954.426	2.406.325.420
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		200.000.000	200.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	7.589.541.346	2.214.145.090
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	304.297.555.417	302.439.014.109
Vốn chủ sở hữu	410		304.297.555.417	302.439.014.109
Vốn góp của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		91.957.636.159	88.326.440.768
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.839.919.258	21.612.573.341
- lũy kế của các kỳ trước	421a		431.360.950	8.720.090.768
- kỳ này	421b		19.408.558.308	12.892.482.573
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.542.259.430	321.079.382.070

Chau

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng/ Kế toán trưởng



huu

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26.496.792.420	39.917.061.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	26.496.792.420	39.917.061.186
Giá vốn hàng bán	11	5.2	24.271.151.710	39.089.257.481
Lợi nhuận gộp	20		2.225.640.710	827.803.705
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	20.840.574.321	2.402.643.266
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	5.4	33.861.220	39.742.680
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.090.333.223	5.006.677.397
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.942.020.588	(1.815.973.106)
Thu nhập khác	31	5.6	827.216.623	17.377.309.656
Chi phí khác	32	5.7	59.827.583	5.341.142.741
Lợi nhuận khác	40		767.389.040	12.036.166.915
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.709.409.628	10.220.193.809
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	284.862.206	1.895.865.622
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	15.989.114	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.408.558.308	8.324.328.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	1.008	432

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng/ Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.709.409.628	10.220.193.809
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.441.903.976	2.882.059.147
Các khoản hoàn nhập dự phòng	03	(2.233.935.906)	(1.104.208.754)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.338.692.796)	(19.778.550.923)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	578.684.902	(7.780.506.721)
Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	381.840.983	(3.686.493.809)
Giảm hàng tồn kho	10	15.340.185.865	673.203.463
(Giảm)/ tăng các khoản phải trả	11	(5.957.922.912)	14.979.147.344
Tăng chi phí trả trước	12	(5.329.638.392)	(4.145.621.130)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.722.334.498)	(3.346.727.061)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.402.499.675)	(2.450.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(111.683.727)	(5.757.927.914)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.225.543.240)	(6.789.074.660)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13.680.000	23.521.960.698
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.182.574.321	2.671.855.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.970.711.081	19.404.741.632
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(665.000)	(9.590.895.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(665.000)	(9.590.895.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	13.858.362.354	4.055.918.718
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	154.470.970.498	144.159.013.233
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	168.329.332.852	148.214.931.951



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng/ Kế toán trưởng




NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
Phó Tổng Giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 7 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2 - Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non (được sáp nhập vào Nông trường cao su Hòa Bình 2 từ ngày 6 tháng 6 năm 2016 theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị);
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, số lượng công nhân viên của Công ty là 380 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 469 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.6 Vườn cây cao su và xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phân chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả dài hạn trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tạm tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.12 Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với Nông trường Hòa Bình 2, Nông trường Phong Phú thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty được miễn thuế thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (năm 2006, 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2016).

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Nguyễn Văn Thoại	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.220.098.693	968.651.816
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.914.768.406	43.153.730.612
Các khoản tương đương tiền	130.194.465.753	110.348.588.070
	168.329.332.852	154.470.970.498

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền theo nguyên tệ như sau:

	30/06/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
VND	168.272.939.786	168.272.939.786	154.414.577.432	154.414.577.432
USD	2.513,06	56.393.066	2.513,06	56.393.066
		168.329.332.852		154.470.970.498

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 5,00%/năm.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND	10.000.000.000	10.000.000.000

4.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	7.830.990.491	9.172.463.786
Phải thu thương mại - Bên liên quan	3.352.230	32.297.790
	7.834.342.721	9.204.761.576

4.4 Các khoản phải thu khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lãi dự thu	-	658.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	38.500.000	298.500.000
Tiền lương ứng trước cho người lao động	291.673.529	-
Tạm ứng cho người lao động	62.000.000	42.300.000
Ký quỹ thuê xe	5.000.000	155.000.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	15.859.562	58.919.328
Phải thu khác	1.011.477.625	944.638.310
	1.424.510.716	2.157.357.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.5 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	5.895.892.735	5.895.892.735	5.985.104.775	5.985.104.775
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	6.213.712.735	6.213.712.735	6.302.924.775	6.302.924.775

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.537.000.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 1.676.712.735 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm (Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng trong kỳ/năm	6.302.924.775 (89.212.040)	4.902.683.349 1.400.241.426
Số dư cuối kỳ/năm	6.213.712.735	6.302.924.775

4.6 Hàng tồn kho

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Nguyên vật liệu	1.315.915.154	1.067.897.179
Công cụ dụng cụ	1.286.342.659	682.475.406
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.092.989.692	209.340.000
Thành phẩm	423.552.827	17.479.673.612
Hàng hóa	2.230.000	21.830.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.121.030.332	19.461.216.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(345.502.664)	(2.490.226.530)
Giá trị thuần	3.775.527.668	16.970.989.667
Dài hạn:		
Vườn ươm cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.253.178	144.253.178

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ/năm	2.490.226.530 (2.144.723.866)	1.456.316.416 1.124.562.627
Xử lý hủy hàng	-	(90.652.513)
Số dư cuối kỳ/năm	345.502.664	2.490.226.530

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.7 Chi phí trả trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Chi phí phát sinh ngoài vụ (*)	5.416.997.042	-
	5.416.997.042	-
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.033.557	132.736.207
Hệ thống xử lý nước thải	251.751.501	357.407.501
	402.785.058	490.143.708

(*) Chi phí phát sinh ngoài vụ bao gồm: tiền thuê đất và chi phí khác phát sinh ngoài vụ (6 tháng đầu năm 2016), các chi phí này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong vụ (6 tháng cuối năm 2016).

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	490.143.708	354.446.171
Tăng trong kỳ/năm	81.855.080	481.236.727
Phân bổ trong kỳ/năm	(169.213.730)	(345.539.190)
Số dư cuối kỳ/năm	402.785.058	490.143.708

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i> VND	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Phương tiện vận tải</i> VND	<i>Dụng cụ quản lý</i> VND	<i>Vườn cây cao su</i> VND	<i>Công</i> VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	36.690.570.430	97.766.785.336
Tăng từ XDCB	-	-	-	-	1.515.561.525	1.515.561.525
Số dư 30/06/2016	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	38.206.131.955	99.282.346.861
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2016	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
Khấu hao trong kỳ	1.051.336.437	581.180.098	17.871.666	7.880.038	762.423.472	2.420.691.711
Số dư 30/06/2016	31.567.305.042	12.356.972.673	3.631.201.496	1.084.142.282	8.184.914.957	56.824.536.450
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2016	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597
Ngày 30/06/2016	8.080.048.742	4.259.762.621	88.902.012	7.880.038	30.021.216.998	42.457.810.411

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.687.212.632 VND (31 tháng 12 năm 2015 là 26.377.361.524 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 309.851.108 VND.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 47.996.703 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2016	340.000.000
Vào ngày 30/06/2016	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2016	56.666.667
Khấu hao trong kỳ	28.333.334
Vào ngày 30/06/2016	85.000.001
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2016	283.333.333
Vào ngày 30/06/2016	254.999.999

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016 VND	Tăng VND	Kết chuyển TSCĐ VND	30/06/2016 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	50.590.843.969	4.426.754.252	-	55.017.598.221
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	10.822.712.522	283.227.463	(1.515.561.525)	9.590.378.460
	61.413.556.491	4.709.981.715	(1.515.561.525)	64.607.976.681

4.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Góp vốn vào đơn vị khác	26.811.175.704	26.811.175.704

Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa để nắm giữ 244.690 cổ phần phổ thông tương ứng 12% cổ phần.

4.12 Thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
- Chi phí trích trước	320.727.273	320.727.273
- Dự phòng phải thu khó đòi	304.059.171	320.048.285
	664.786.444	680.775.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tình hình biến động của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	680.775.558	-
Ghi nhận vào (chi phí) / thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(15.989.114)	680.775.558
Số dư cuối kỳ/năm	664.786.444	680.775.558

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	1.224.312.819	1.320.230.406
	1.224.312.819	1.320.230.406

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	248.481.133	787.835.795
Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ	(221.335.257)	(787.835.795)
Số dư cuối kỳ/năm	27.145.876	-

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	(Phải thu)/ phải trả Vào ngày 01/01/2016 VND	Phải trả trong năm VND	Đã trả (Phải thu)/ phải trả trong năm VND	(Phải thu)/ phải trả Vào ngày 30/06/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	640.120.152	1.058.077.117	(1.698.197.269)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	725.484.107	284.862.206	(2.722.334.498)	(1.711.988.185)
Thuế thu nhập cá nhân	(4.515.697)	103.343.420	(236.838.631)	(138.010.908)
Thuế tài nguyên	798.400	939.600	(1.474.600)	263.400
Tiền thuê đất	253.897.700	3.156.619.433	(3.464.301.855)	(53.784.722)
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Khác	-	3.864.432	(3.864.432)	-
Tổng cộng	1.615.784.662	4.616.706.208	(8.136.011.285)	(1.903.520.415)
<i>Trong đó:</i>				
Phải trả		1.620.300.359		263.400
Phải thu		(4.515.697)		(1.903.783.815)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.15 Chi phí phải trả

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí ăn giữa ca	-	107.100.500
Chi phí đo đạc lập bản đồ	1.603.636.364	1.603.636.364
Chi phí thuê đất	1.597.544.699	1.597.544.699
Chi phí trợ cấp thôi việc	444.400.000	-
Chi phí khác	119.450.959	146.000.000
	3.765.032.022	3.454.281.563

4.16 Phải trả khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Cổ tức phải trả	10.750.645.268	1.126.310.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	232.588.250	232.588.250
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	470.740.161	-
Phải trả khác – Bên thứ ba (*)	378.980.747	951.426.902
Phải trả khác – Bên liên quan	-	96.000.000
	11.832.954.426	2.406.325.420

(*) Trong đó bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.214.145.090	2.332.283.484
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	7.525.017.000	2.665.203.717
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(2.142.499.675)	(2.752.357.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(7.121.069)	(30.985.111)
Số dư cuối kỳ/năm	7.589.541.346	2.214.145.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.18 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2015	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.892.482.573	12.892.482.573
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.665.203.717)	(2.665.203.717)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Giảm khác	-	(515.954.688)	-	(515.954.688)
Số dư 31/12/2015	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
Kỳ này				
Số dư 01/01/2016	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.408.558.308	19.408.558.308
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.631.195.391	(3.631.195.391)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.525.017.000)	(7.525.017.000)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư 30/06/2016	192.500.000.000	91.957.636.159	19.839.919.258	304.297.555.417

Trong kỳ, các quỹ Đầu tư phát triển và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 29 tháng 6 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ/năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong kỳ/năm	9.625.000.000	9.625.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 29 tháng 6 năm 2016, cổ tức năm 2015 được chia theo tỷ lệ 5% (2014: 5%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	19.636.136.600	34.351.793.500
Doanh thu bán thức ăn gia súc	-	35.534.286
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	6.860.655.820	5.529.733.400
	26.496.792.420	39.917.061.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	26.496.792.420	39.917.061.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn bán mũ cao su	18.180.826.578	33.810.382.706
Giá vốn thức ăn gia súc	-	42.315.696
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	6.090.325.132	5.236.559.079
	24.271.151.710	39.089.257.481

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	159.934.203	1.832.037.416
Chi phí nhân công	5.047.233.743	6.411.863.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.282.829.954	2.521.959.117
Chi phí dụng cụ sản xuất	148.588.255	200.963.514
Chi phí gia công	2.392.073.950	3.837.669.868
Chi phí khác	212.744.378	1.161.624.881
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(883.649.692)	(1.877.217.218)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	17.056.120.785	26.004.565.349
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.144.723.866)	(1.004.208.754)
	24.271.151.710	39.089.257.481

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.446.508.321	2.402.643.266
Cổ tức được chia	18.394.066.000	-
	20.840.574.321	2.402.643.266

5.4 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí bốc xếp	33.861.220	39.742.680
	33.861.220	39.742.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.975.062.090	2.659.097.347
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	8.864.546	21.936.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.502.950	132.697.284
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	13.990.521
Trợ cấp thôi việc	760.165.945	948.501.500
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(89.212.040)	(100.000.000)
Chi phí quảng cáo	10.000.000	12.300.000
Chi phí tiếp khách	217.600.727	59.362.254
Chi phí điện thoại	43.030.914	53.191.146
Chi phí thuê xe	133.563.448	212.870.642
Chi phí khác	922.754.643	992.729.970
	4.090.333.223	5.006.677.397

5.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	17.318.907.656
Thu khác	827.216.623	58.402.000
	827.216.623	17.377.309.656

5.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	54.571.072	227.402.746
Chi phí lãi phạt chậm nộp về cổ phần hóa và cổ tức	-	4.883.096.874
Chi phí khác	5.256.511	230.643.121
	59.827.583	5.341.142.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SỰ THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	19.709.409.628	10.220.193.809
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	188.912.970	5.122.790.116
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(18.394.066.000)	-
Chênh lệch tạm thời: Dự phòng phải thu khó đòi	(79.945.570)	-
Lợi nhuận tính thuế	1.424.311.028	15.342.983.925
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi	-	1.479.590.841
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	284.862.206	416.274.781
Chi phí thuế TNDN hiện hành	284.862.206	1.895.865.622

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.408.558.308	8.324.328.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.008 VND/CP	432 VND/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su và nông sản

Kết quả kinh doanh cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	2016	2015	2016	2015	2016	2015
Doanh thu bán cho bên ngoài	19.636	34.387	6.861	5.530	26.497	39.917
Giá vốn	(18.181)	(33.853)	(6.090)	(5.237)	(24.271)	(39.090)
Chi phí bán hàng	(34)	(40)	-	-	(34)	(40)
Kết quả bộ phận	1.421	494	771	293	2.192	787
Chi phí không phân bổ					(4.090)	(5.006)
Doanh thu tài chính					20.841	2.403
Lợi nhuận khác	767	12.036			767	12.036
Thuế TNDN					(301)	(1.896)
Lợi nhuận sau thuế					19.409	8.324
Chi phí mua sắm tài sản	4.710	7.081	-	-	4.710	7.081
Chi phí khấu hao	2.290	2.716	152	166	2.442	2.882

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Cộng	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản bộ phận	326.139	317.686	3.403	3.394	329.542	321.080
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	326.139	317.686	3.403	3.394	329.542	321.080
Nợ phải trả bộ phận	25.125	17.906	119	734	25.244	18.640
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	25.125	17.906	119	734	25.244	18.640

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.329	154.471	168.329	154.471
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000	10.000	10.000	10.000
Phải thu khách hàng	1.938	3.220	1.938	3.220
Phải thu khác	1.068	1.541	1.068	1.541
	181.335	169.232	181.335	169.232
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.224	1.320	1.224	1.320
Các khoản phải trả khác	3.250	3.137	3.250	3.137
	4.474	4.457	4.474	4.457

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn Bán cây cao su thanh lý	13.680.000	62.160.000
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng Mua nguyên liệu	546.315.000	450.120.000
Châu Thị Hồng Điệp Gia công mũ Mua mũ	6.243.930 -	8.828.610 518.347.500
Công ty TNHH Lê Danh Mua nhiên liệu	-	587.920.000
Nguyễn Văn Thoại Thuê xe	60.000.000	144.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Châu Thị Hồng Điệp Phải thu thương mại	3.352.230	32.297.790
Nguyễn Văn Thoại Phải trả khác	-	(96.000.000)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lương, thưởng và phụ cấp	449.400.000	1.007.354.142



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng





NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 10 tháng 8 năm 2016